

Bản án số: 06 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Luân Văn Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22-4-2024 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị H quen biết nhau từ năm 1990, sau khi tìm hiểu được sự đồng ý của hai bên gia đình ông và bà Đỗ Thị H có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27-4-1990. Sau khi sống chung có nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, quyền lợi hai bên không đảm bảo, ông và bà Đỗ Thị H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông xác

định tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đỗ Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Đỗ Thị H có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11-02-1990, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Đỗ Thị H tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn K quen biết và tìm hiểu nhau, không ai ép buộc và chung sống với nhau từ năm 1990, sau đó có tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương; sau đó có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27-4-1990; sau khi chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt, nên từ năm 2016 hai vợ chồng bà đã sống ly thân cho đến nay. Ông Nguyễn Văn K xin ly hôn bà cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn K có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11-02-1990, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn K tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật như viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tuy nhiên, do hôn nhân của ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H là vợ chồng. Về con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đỗ Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Khu E, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn Bà Đỗ Thị H. Xét thấy ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K, bà Đỗ Thị H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H đều trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tuy nhiên ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H đều không cung cấp được Giấy đăng ký kết hôn. Tại Công văn số 67/UBND-TP ngày 19-4-2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn về việc trả lời yêu cầu cấp bản sao trích lục kết hôn của ông Nguyễn Văn K (do ông Nguyễn Văn K cung cấp) và biên bản xác minh ngày 02-7-2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đều xác nhận: Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tra cứu phần mềm hộ tịch và các sổ hộ tịch còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, kết quả hiện nay không còn lưu trữ được thông tin kết hôn giữa ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H. Do đó không có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H đã đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K thấy như sau:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục từ năm 1990 và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, kể từ sau ngày 01-01-2003 ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H cũng không đăng ký kết hôn, do vậy quan hệ giữa ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H không được công nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và Bà Đỗ Thị H có 01 con chung

là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11-02-1990, do đã trên 18 tuổi nên ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình chung sống ông và bà không có nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số BLTU/23/0001328 ngày 07-5-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận ông Nguyễn Văn K đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- THADS huyện Văn Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh